

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Đề án số 3021/ĐA-UBND ngày 29 tháng 4 năm của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Bảng 1

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP TỈNH TRƯỚC SẮP XẾP
VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH**

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Quy mô kinh tế			Số ĐHVC cấp xã hiện nay	Số ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo dự thảo Nghị quyết (dự kiến)				Yếu tố đặc thù (nếu có)
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ so với quy định (%)	Dân số thường trú (người)	Tỷ lệ so với quy định (%)	GRDP	Tổng thu NSNN	Thu nhập bình quân đầu người		Xã	Phường	Đặc khu	Tổng	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	1.982,56	39,65%	1.313.905	90,26%	7.305.896	98.218.375	70.4 triệu đồng	77	18	11	1	30	1
2	Tỉnh Bình Dương	2.694,64	53,89%	2.426.561	173,32%	520.205.229	76.296.888	107.6 triệu đồng	91	12	24		36	
3	Thành phố Hồ Chí Minh	2.095,39	41,9%	9.966.166	711,86%	1.778.271.108	507.420.323	81.5 triệu đồng	273	24	78		102	1
	TỔNG	6.772,65	135,43 %	13.706.632	979,04%	2,715,782,239	681,935,593		441	54	113	1	168	2

Bảng 2

**SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC,
VIÊN CHỨC CỦA ĐVHC CẤP TỈNH
(Tính đến ngày 01/3/2025)**

Số TT	Đối tượng	Số lượng theo định mức được giao	Số lượng hiện có (số có mặt)	Số lượng thực hiện sắp xếp, tinh giản theo quy định hiện hành (Theo Nghị định 178, Nghị định 67,... và các chính sách của địa phương)
	1	2	3	4
I	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu			
1	Cán bộ	847	787	
2	Công chức	3.902	3.310 ¹	
3	Viên chức	22.861	20.461 ²	
II	Tỉnh Bình Dương			
1	Cán bộ	4.390 ³	945	2
2	Công chức		3.011 ⁴	40
3	Viên chức	27.611	27.600 ⁵	12
4	Người làm việc chuyên trách tại Hội	87	86	1
III	Thành phố Hồ Chí Minh			
1	Cán bộ	2011	1957	
2	Công chức	14.689	13.575	
3	Viên chức	95.875	88.165	
	TỔNG	167.539	159.652	

¹ Bao gồm 889 công chức cấp xã

² Viên chức gồm: 17539 hưởng lương từ NSNN, 2848 hưởng lương từ NTSN (cả nhóm 1, 2, 3)

³ Trong đó biên chế công chức giao cấp tỉnh, huyện là 1.780; biên chế cán bộ, công chức giao cấp xã là 2.610.

⁴ Số lượng công chức bao gồm: 1212 công chức cấp xã

⁵ Viên chức gồm: 22.899 hưởng lương từ NSNN, 4.399 hưởng lương từ NTSN (cả nhóm 1, 2, 3)

Bảng 3

PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TRỤ SỞ CÔNG DÔI DƯ SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

Số TT	Tên tỉnh	Số lượng hiện có	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình				
			Tiếp tục sử dụng	Dôi dư	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029
1	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	1507 ⁶	1424	77	6	X	X	X	X	
2	Tỉnh Bình Dương	108	45 ⁷		63	X				
3	Thành phố Hồ Chí Minh	3531 ⁸	3325	206						
	TỔNG	5.146	4.794	283	69					

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

⁶ Trụ sở hành chính: 185 (của cấp tỉnh: 45, cấp cơ sở: 140); CSHĐSN: 1.322 (của cấp tỉnh: 19, cấp cơ sở: 1303)

⁷ Các trụ sở còn lại dự kiến sẽ giao TTPTQĐ khai thác, quản lý

⁸ Cấp tỉnh: 714 (TSLV: 194; CSHĐSN: 520); cấp cơ sở: 2.817 (TSLV: 321; CSHĐSN: 2.496)